

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG LÁNG TRÒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 27 /NQ-HĐND

Láng Tròn, ngày 15 tháng 10 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030
của phường Láng Tròn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG LÁNG TRÒN
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ 5 (CHUYÊN ĐỀ)

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 16 tháng 6 năm 2025;*
- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước, ngày 25 tháng 6 năm 2025;*
- Căn cứ Luật Đầu tư công, ngày 29 tháng 11 năm 2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;*
- Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*
- Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*
- Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 5 (chuyên đề) về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Cà Mau;*
- Căn cứ Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Cà Mau;*
- Căn cứ Quyết định số 3762/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh tên dự án, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (vốn ngân sách tỉnh quản lý);*
- Xét Tờ trình số 138/TTr-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường về việc thông qua Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030 của phường Láng Tròn; Báo cáo thẩm tra số 26/BC-*

HĐND, ngày 14 tháng 10 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân phường;

Hội đồng nhân dân phường Láng Tròn khóa II, Kỳ họp thứ 5 đã thảo luận và thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 của phường Láng Tròn

Thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 của phường Láng Tròn với tổng số vốn dự kiến là **140.892 triệu đồng** (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi tỷ tám trăm chín mươi hai triệu đồng), gồm các nguồn vốn sau:

a) Vốn đầu tư từ nguồn xây dựng cơ bản tập trung: 121.371 triệu đồng.

Trong đó:

- Lĩnh vực giao thông: 47 công trình và tổng mức vốn: 120.672 triệu đồng.
- Lĩnh vực dân dụng: 01 công trình và tổng mức vốn: 699 triệu đồng.

b) Vốn xổ số kiến thiết: 19.521 triệu đồng.

Trong đó: Lĩnh vực giao thông: 06 công trình và tổng mức vốn: 19.521 triệu đồng.

(Có danh mục chi tiết kèm theo, trong đó có 03 công trình sử dụng 02 nguồn vốn)

Việc bố trí vốn cho từng công trình, dự án phải bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn, điều kiện bố trí vốn, thứ tự ưu tiên và các nguyên tắc quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức thực hiện kế hoạch

Việc quản lý, phân bổ và sử dụng vốn đầu tư công phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước, xây dựng, đấu thầu và các quy định pháp luật có liên quan.

Bảo đảm việc bố trí vốn tập trung, có trọng tâm, trọng điểm; phù hợp với khả năng cân đối ngân sách, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của phường và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Cà Mau.

Chỉ tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, dự án khi đáp ứng đầy đủ điều kiện, trình tự, thủ tục đầu tư theo quy định; việc bố trí vốn không thay thế cho quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư hoặc các quyết định khác thuộc thẩm quyền của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân phường Láng Tròn tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; căn cứ kế hoạch được thông qua, khả năng cân đối nguồn vốn và

quy định pháp luật để tổ chức quản lý, điều hành, phân bổ và thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn theo đúng thẩm quyền.

Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát danh mục, tiến độ và điều kiện thực hiện từng công trình, dự án; quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; tăng cường kiểm tra, giám sát, phòng, chống thất thoát, lãng phí và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban của Hội đồng nhân dân phường và đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Láng Tròn khóa II, Kỳ họp thứ 5 (chuyên đề) thông qua ngày 15 tháng 10 năm 2026./.

Nơi nhận: *duy*

- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Ủy ban nhân dân tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính (báo cáo);
- Thường trực Đảng ủy phường (báo cáo);
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND phường;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Bùi Thanh Toàn

PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030
 (Kèm theo Nghị quyết số 27 /NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Láng Tròn)

ĐVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lũy kế đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030			Kế hoạch đầu tư công năm 2026				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Vốn NSNN	Trong đó Vốn đối ứng	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Vốn NSNN			Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn XDCB tập trung	Nguồn XSKT	Trong đó:		
														Nguồn XDCB tập trung	Nguồn XSKT	Nguồn CTMTQG						
	TỔNG CỘNG					234.467	234.467	2.693	0	30.735	30.735		0	140.892	121.371	19.521	27.578	13.624	13.954	0	0	
I	Dân dụng					747	747			730	730			699	699	0	699	699	0		0	
1	Xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục tại Đảng ủy, HĐND-UBND phường Láng Tròn	Khóm 13A, khóm 2	XD mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục	2026	Số 2153/QĐ-UBND ngày 26/12/2025	747	747		Số 759/QĐ-UBND ngày 24/4/2026	730	730			699	699	-	699	699				
II	Giao thông					233.720	233.720	2.693	-	30.005	30.005	10.130	-	140.193	120.672	19.521	26.879	12.925	13.954	-	-	
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ nhà ông Trần Văn Vàng đến Cầu Khóm 12, Khóm 2	Khóm 2	02 đoạn (qua Trường mẫu giáo); dài 850m, rộng 3,5m	2026	Số 1820/QĐ-UBND ngày 21/11/2025	2.500	2.500		Số 2148/QĐ-UBND ngày 26/12/2025	2.387	2.387	2026		2.160	2.160	-	2.160	2.160	-			
2	Xây dựng mới cầu Trung ương đoàn, Khóm 8	Khóm 8	Chiều dài 45m, chiều ngang 3,5m	2026	Số 1821/QĐ-UBND ngày 21/11/2025	3.000	3.000		Số 2149/QĐ-UBND ngày 26/12/2025	2.987	2.987	2026		2.821	2.821	-	2.821	2.821	-			
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Trụ sở Khóm 15A đến cầu Út Hòn	Khóm 15	Dài 1.700m, rộng 3,5m và 02 cầu dài 8m, rộng 3,8m	2026	Số 1812/QĐ-UBND ngày 21/11/2025	5.000	5.000		Số 2150/QĐ-UBND ngày 26/12/2025	4.987	4.987	2026		4.856		4.856	4.856	-	4.856			
4	Xây dựng mới tuyến đường Lầm Mới, Khóm 17	Khóm 17, 21	Dài 1900, rộng 3,5 m và 01 cầu dài 5m, rộng 3,5m	2026	Số 1822/QĐ-UBND ngày 21/11/2025	9.000	9.000		Số 2152/QĐ-UBND ngày 26/12/2025	8.991	8.991	2026		7.230	3.250	3.980	7.230	3.250	3.980			
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tân Minh Điện, Khóm 15	Khóm 15	Dài 3.200m và rộng 3,5m và 01 cầu dài 10m, rộng 3,8m	2026-2027	Số 1088/QĐ-UBND ngày 17/6/2026	10.670	10.670		Số 1147/QĐ-UBND ngày 24/6/2026	10.653	10.653	2026		9.634	7.094	2.540	7.234	4.694	2.540		hoàn thành	
6	Tuyến đường khóm 16 (trường TH Phong Tân - Miếu Bà); hạng mục: Xây dựng mới	Khóm 16	Dài 0,8 km; rộng 3,5 m; kết cấu mặt đường BT	2026-2027	1668/QĐ-UBND ngày 28/9/2026	2.800	2.800	1.200						1.071		1.071	1.071		1.071		Đề án (dắt đen); Đã bố trí nguồn CTMTQG 107tr, dự kiến BS CTMTQG 422tr	
7	Tuyến đường kênh ngang khóm 21 (ông Huỳnh Văn Nhà - ông Nguyễn Văn Kề); hạng mục: Xây dựng mới	Khóm 21	Dài 1,5 km; rộng 2,5 m; kết cấu mặt đường BT	2026-2027	1669/QĐ-UBND ngày 28/9/2026	3.000	3.000	1.493						1.507		1.507	1.507		1.507		Đề án (dắt đen)	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lũy kế đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030			Kế hoạch đầu tư công năm 2026				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Vốn NSNN	Trong đó	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Vốn NSNN			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
															Nguồn XDCB tập trung	Nguồn XSKT		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn XSKT	Nguồn CTMTQG	
8	Tuyến đường cống Bà Đội khóm 3 (ông Lộ Văn Minh - cầu 2 Phú); hạng mục: Xây dựng mới	Khóm 3	Dài 2.600m, rộng 2m	2027	1867/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	3.900	3.900						3.501	3.501	-					Đề án (đất đen)	
9	Tuyến đường kênh Vĩnh Phong 13 khóm 9 (ông Tuấn - ông Hiếu); hạng mục: Xây dựng mới	Khóm 13	Dài 1.200m, rộng 2,5m	2027	1868/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	3.000	3.000						2.800	2.800	-					Đề án (đất đen)	
10	Tuyến đường kênh Vĩnh Phong khóm 7, khóm Xóm Lung (Nguyễn Ngọc Thơ - cống Xóm Lung	Khóm 7- Xóm Lung	Dài 2.200m, rộng 2,5m	2027	1869/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	5.500	5.500						5.000	5.000	-					Đề án (đất đen)	
11	Tuyến đường kênh 7 Ói, khóm 2 (ông Hứa Minh Thiện - kênh Tư Hảy)	Khóm 22	Dài 660m, rộng 2,5m	2027	1870/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	1.650	1.650						1.200	1.200	-					Đề án (đất đen)	
12	Tuyến đường Cây Dương khóm 19 (ông Trần Văn Thạch - kênh Chông Mỹ	Khóm 19	Dài 660m, rộng 2,0m	2027	1871/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	1.000	1.000						900	900	-					Đề án (đất đen)	
13	Tuyến kênh Tám Tái, khóm 15 (ông Cầu - bà Phúc)	Khóm 15	Dài 800m, rộng 2,5m	2027	1872/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	2.000	2.000						1.800	1.800	-					Đề án (đất đen)	
14	Tuyến kênh Vĩnh Phong 6, khóm 21 (kênh Phó Sinh - kênh Ranh Hặt)	Khóm 21	Dài 4.100m, rộng 2,0m	2027	1873/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	6.200	6.200						6.067	500	5.567					Đề án (đất đen)	
15	Đường chữ T, khóm 2 (Kênh Tư Phước - Cầu Trường Học mới)	Khóm 2	Dài 700m, rộng đoạn 3,5m, đoạn 2,5m	2027	1874/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	2.200	2.200						2.000	2.000	-					Đề án (PL III)	
16	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ nhà Bà 6 Gạo đến giáp xã Vĩnh Mỹ (giai đoạn 2)	Khóm 7	Dài 2.000m, rộng 2,0m	2027	1875/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	3.000	3.000						2.800	2.800	-					NQ	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lũy kế đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030			Kế hoạch đầu tư công năm 2026				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Vốn NSNN	Trong đó	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Vốn NSNN			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
															Nguồn XDCB tập trung	Nguồn XSKT		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn XSKT	Nguồn CTMTQG	
17	Nâng cấp tuyến đường từ nhà ông 6 Cấn đến nhà bà Huỳnh Thị Phụng, Khóm Phong Thạnh Đông	Khóm Phong Thạnh Đông	Dài 1.400m, rộng 1,5m	2027	1876/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	1.600	1.600						1.400	1.400	-						NQ
18	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cầu 2 Đê đến giáp Khóm 3	Khóm 13	Dài 2.000m, rộng 2,5m	2027	1877/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	5.000	5.000						4.800	4.800	-						NQ
19	Đường nhà Tư Bá đến nhà Hồ Vũ Bảo, khóm 2	Khóm 2	Dài 500m, rộng 2m	2027	1878/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	750	750						571	571	-						Đề án (NC PLII)
20	Tuyến QL 1 Hẻm 6, hẻm 7 khóm 2 (QL1 đến ông Trúc)	Khóm 2	Dài 300m, rộng 1,5m	2027	1879/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	300	300						257	257	-						Đề án (NC PLII)
21	Đường từ Quốc lộ 1 (cổng 6 Hoa, hẻm 3) khóm 2 đến nhà ông Tám Tèo	Khóm 2	Dài 500m, rộng 1,5m	2028	1880/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	500	500						429	429	-						Đề án (NC PLII)
22	Tuyến QL1, hẻm số 4, hẻm 5 khóm 2 đến kênh 7 Ôi	Khóm 2	Dài 1.000m, rộng 1,5m	2028	1881/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	1.000	1.000						857	857	-						Đề án (NC PLII)
23	Tuyến đường khóm 7 (nhà ông Thất - nhà ông Phát)	Khóm 7	Dài 1.800m, rộng 2,5m	2028	1882/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	4.500	4.500						4.000	4.000	-						Đề án (PL III)
24	Tuyến đường kênh lung lớn khóm 16 (Từ nhà ông Châu văn Tại đến nhà ông Trương Văn Kính)	Khóm 16	Dài 900m, rộng 3,5m	2028	1883/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	3.150	3.150						3.000	3.000	-						Đề án (PL III)
25	Đường Quốc lộ 1 (Cổng Bà Bang- Kênh Cầu Móng), Khóm 3	Khóm 3	Dài 800m, rộng 2m	2028	1884/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	1.200	1.200						914	914	-						Đề án (NC PLII)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lũy kế đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030			Kế hoạch đầu tư công năm 2026				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT	Vốn NSNN	Trong đó Vốn đối ứng	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT	Vốn NSNN			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
															Nguồn XDCB tập trung	Nguồn XSKT		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn XSKT	Nguồn CTMTQG	
26	Đường kênh khóm Phong Thạnh Đông (nhà ông Định, nhà ông Thới)	Khóm PTĐ	Dài 1.000m, rộng 1,5m	2028	1885/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	1.000	1.000						857	857	-					Đề án (NC PLII)	
27	Đường từ 7 Đò đến nhà ông Khoa, khóm 7 (nhà 7 Khoa)	Khóm 7	Dài 1.900m, rộng 2m	2028	1886/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	2.850	2.850						2.171	2.171	-					Đề án (NC PLII)	
28	Đường Điện Xã, khóm 9 (nhà bà chọn - nhà 9 Long)	Khóm 9	Dài 2.600m, rộng 2,5m	2028	1887/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	6.500	6.500						6.000	6.000	-					Đề án (PL III)	
29	Tuyến đường Thầy Út, khóm 15 (Từ cổng ngăn mặn thầy Út đến nhà ông Hà Văn Hoi)	Khóm 15	Dài 800m, rộng 3,5m	2028	1888/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	2.800	2.800						2.000	2.000	-					Đề án (PL III)	
30	Đường Quốc lộ 1 (Cổng Bà Đội – Kênh Hào Giàng), khóm 3	Khóm 3	Dài 1.000m, rộng 2,5m	2028	1889/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	2.500	2.500						2.000	2.000	-					Đề án (PL III)	
31	Đường Đồng Lớn, khóm 9 (nhà ông Khởi, nhà ông Trung)	Khóm 9	Dài 1.200m, rộng 2,5m	2028	1890/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	3.000	3.000						2.000	2.000	-					Đề án (PL III)	
32	Đường kênh Vĩnh Phong VII, khóm 9 (nhà ông Đù, nhà ông Đạp)	Khóm 9	Dài 550m, rộng 1,5m	2028	1891/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	550	550						471	471	-					Đề án (NC PLII)	
33	Đường chữ T, Khóm 2 (Bà Ngò Thị Năm đến Sáu Tây)	Khóm 2	Dài 650m, rộng 4m	2028	1892/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	2.600	2.600						1.486	1.486	-					Đề án (NC PLII)	
34	Đường từ nhà ông Trần Quốc Tuấn (lò heo) đến khu Tái định cư (nhà Trần Thanh Sơn), khóm 2	Khóm 2	Dài 500m, rộng 2,0m	2028	1893/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	750	750						571	571	-					Đề án (NC PLII)	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lũy kế đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030			Kế hoạch đầu tư công năm 2026				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Vốn NSNN	Trong đó Vốn đối ứng	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Vốn NSNN			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
															Nguồn XDCB tập trung	Nguồn XSKT		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn XSKT	Nguồn CTMTQG	
35	Tuyến đường khóm Phong Tân (Hồ Thị Dung - Phạm Hoàng Đông)	Khóm Phong Tân	Dài 1.420m, rộng 2,5m	2029	1894/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	3.550	3.550						3.000	3.000	-					Đề án (PL III)	
36	Tuyến đường kênh Cây Dương (Từ nhà ông Võ Văn Phụng đến nhà ông Thạch) khóm 19	Khóm 19	Dài 1.600m, rộng 3,5m	2029	1895/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	5.600	5.600						5.000	5.000	-					Đề án (PL III)	
37	Tuyến đường Ba Thôn, khóm Phong Tân (Từ nhà bà Trần Thị Lệ - cầu số 6)	Khóm Phong Tân	Dài 2.500m, rộng 3,5m	2029	1896/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	8.750	8.750						8.000	8.000	-					Đề án (PL III)	
38	Tuyến đường kênh Thăng Ngẫu, khóm 9	Khóm 9	Dài 2.600m, rộng 1,5m	2029	1897/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	2.600	2.600						2.229	2.229	-					Đề án (NC PLII)	
39	Tuyến từ cống Đốc Béc đến nhà ông Thất khóm 7	Khóm XL	Dài 3.200m, rộng 2,5m	2029	1898/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	8.000	8.000						7.500	7.500	-					Đề án (NC PLII)	
40	Tuyến từ cầu 3 Cống Lầu khóm 3 đến giáp khóm 13	Khóm 13	Dài 3.200m, rộng 2,5m	2030	1899/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	8.000	8.000						500	500	-					Đề án (NC PLII)	
41	Đường kênh Kim Xía, khóm 9 (nhà bà Y, nhà ông Kép)	Khóm 9	Dài 2.900m, rộng 2m	2030	1900/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	4.350	4.350						500	500	-					Đề án (PL III)	
42	Đường Quảng Chuối, khóm 9 (nhà 7 Từ Già, nhà ông Trung)	Khóm 9	Dài 1.600m, rộng 2,5m	2030	1901/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	4.000	4.000						2.000	2.000	-					Đề án (PL III)	
43	Đường nhà ông Trần Văn Dũng khóm 2	Khóm 2	Dài 300m, rộng 3,5m	2030	1902/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	1.050	1.050						1.000	1.000	-					Đề án (PL III)	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Lũy kế đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030			Kế hoạch đầu tư công năm 2026				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Vốn NSNN	Trong đó Vốn đối ứng	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Vốn NSNN			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
															Nguồn XDCB tập trung	Nguồn XSKT		Nguồn XDCB tập trung	Nguồn XSKT	Nguồn CTMTQG	
44	Tuyến đường từ QL1 khóm 3 đến nhà ông Trần Văn Tại khóm 13	Khóm 13	Dài 5.900m, rộng 3,5m	2030	1903/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	20.650	20.650						1.720	1.720	-						Đề án (PL III)
45	Tuyến đường kênh Vĩnh Phong 8, khóm 15, khóm Phong Tân (cổng Ba Thôn - cổng thầy Út)	Khóm Phong Tân	Dài 3.500m, rộng 3,5m	2030	1904/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	12.250	12.250						7.000	7.000	-						Đề án (đất đen)
46	Tuyến đường kênh Vĩnh Phong 10, khóm 21, khóm Phong Tân (cổng 20 - kênh Ba Thôn)	Khóm Phong Tân	Dài 3.000m, rộng 3,5m	2030	1905/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	12.000	12.000						6.000	6.000	-						Đề án (đất đen)
47	Tuyến đường kênh Lầm Đồi khóm 5 (Từ nhà ông Lê Văn Khôi đến Huỳnh Thanh Sơn)	Khóm 5	Dài 3.200m, rộng 3,0m	2030	1906/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	9.600	9.600						914	914	-						Đề án (PL III)
48	Tuyến đường khóm 5 Ba Lát (Trần Văn Ngộ đến giáp cầu Ô Rô)	Khóm 5	Dài 5.100m, rộng 3,5m	2030	1907/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	17.850	17.850						2.914	2.914	-						Đề án (PL III)
49	Đường Xóm Công khóm 9 (nhà ông Tấn, nhà bà chọn)	Khóm 9	Dài 1.200m, rộng 2,5m	2030	1908/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	3.000	3.000						985	985	-						Đề án (PL III)
50	Tuyến đường khóm 13, 2 Đê (VP16-2 Đê)	Khóm 13	Dài 2.100m, rộng 3,5m	2030	1909/QĐ-UBND ngày 14/10/2026	7.500	7.500						1.800	1.800	-						Đề án (PL III)